

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 02/12/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chụ và bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân TX Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:16/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1984(Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1981(Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn PB, xã HT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, TX Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kinh cãi nhau, bất đồng quan điểm sống về chuyện tiền bạc, kinh tế gia đình, chồng không đưa tiền để trang trải cuộc sống trong

gia đình, khi nào hỏi thì chồng mới chịu đưa nhưng thái độ khó chịu với vợ con. Ngoài ra, ông D cũng nhiều lần đánh đập bà A. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ khoảng tháng 9 đến tháng 11/2023, sau đó để cho chồng có cơ hội sửa đổi nên bà A về chung sống lại đến khoảng tháng 02/2024 thì tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà A kiên quyết xin ly hôn với ông Trần Quốc D.

Về con chung: Có 03 con chung Trần Q, sinh ngày 27/5/2006, Trần H, sinh ngày 09/4/2008 và Trần C, sinh ngày 29/01/2013. Đối với cháu Tuấn đã trưởng thành nên bà A không có yêu cầu gì. Ly hôn bà A đồng ý giao con chung Trần H và Trần C cho ông D nuôi dưỡng, bà A xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trần Quốc D trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, Đ vào năm 2005 la đúng. Quá trình chung sống, ông D thừa nhận vợ chồng cũng thường xuyên kinh cãi, mâu thuẫn nhau về những vấn đề trong cuộc sống vợ chồng hằng ngày, trong vấn đề nuôi dạy con cA và vấn đề tiền bạc, kinh tế như nguyên đơn trình bày. Khoảng tháng 9 đến tháng 11/2023, vợ chồng cũng có một thời gian sống ly thân, sau đó bà A quay về. Hiện tại, vợ chồng không sống chung từ khoảng tháng 02/2024 đến nay. Nay bà A xin ly hôn thì ông D không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con và mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Có 03 con chung: Trần Q, sinh ngày 27/5/2006, Trần H, sinh ngày 09/4/2008 và Trần C, sinh ngày 29/01/2013. Vì ông D không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì ông D yêu cầu bà A nuôi cả 03 con chung hoặc ông D nuôi cả 03 chung để các con không phải xa cách nhau.

Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tại Bản án HNGĐST số 34/2024/HNGĐ-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân TX Đ đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A được ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần H – sinh ngày 09/4/2008 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Trần

C – sinh ngày 29/01/2013 cho bị đơn ông Trần Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Trần Q – sinh ngày 27/5/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

- Ngày 29.8.2024, 04.9.2024 bị đơn anh Trần Quốc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn anh Trần Quốc D giữ nguyên kháng cáo.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Quốc D:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau, được UBND xã HT, huyện (nay là thị xã) Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 28/10/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân các bên đương sự đều thừa nhận vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về các vấn đề trong gia đình và kinh tế, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân nhau sau đó đã cố gắng hàn gắn để cùng chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn không được giải quyết nên tiếp tục sống ly thân từ khoảng tháng 02/2024 đến nay; lời trình bày của các bên đương sự về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Tòa cấp sơ thẩm xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà A được ly hôn với ông D. Tại Tòa cấp phúc thẩm ông D xin đoàn tụ vợ chồng tuy nhiên bà A không đồng ý và ông D không cung cấp chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông D.

[1.2] Về con chung: Bà A và ông D có 03 con chung Trần Q – sinh ngày 27/5/2006, Trần H – sinh ngày 09/4/2008 và Trần C – sinh ngày 29/01/2013. Đối với cháu Trần Q tại thời điểm xét xử sơ thẩm đã thành niên. Căn cứ trên cơ sở ý kiến nguyện vọng của cháu H và C, Tòa cấp sơ thẩm giao cháu Trần H cho nguyên đơn bà A nuôi dưỡng, giao cháu Trần C cho ông D nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các con chung. Việc ông D kháng cáo xin giao cháu Hoàng cho bà A nuôi dưỡng với lý do hiện nay đang mắc bệnh hiểm nghèo không có điều kiện chăm sóc con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc D, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Quốc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Quốc D; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A được ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần H – sinh ngày 09/4/2008 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Trần

C – sinh ngày 29/01/2013 cho bị đơn ông Trần Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Trần Q – sinh ngày 27/5/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: Không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn anh Trần Quốc D phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003418 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TX Đ, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tx Đ;
- Chi cục THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị ThA Lan

